

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - CÀ MAU
Bản án số: **230/2026/DS-ST**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 06-7-2026
“Về việc tranh chấp hợp đồng cầm
cố tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Quốc Kiểng

Ông Huỳnh Việt Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn, Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152A/2026/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S

Địa chỉ: Số 128 đường Nguyễn Du, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Nay là số 128, đường Nguyễn Du, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hồ Ngọc Q, sinh năm 1990 – Nhân viên Công ty Cổ phần S (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, L, khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1981. Căn cước công dân số 096181012042, cấp ngày 20/8/2021 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: Ấp 15, xã Khánh Lâm, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Ấp 14, xã Khánh Lâm, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và bản tự khai của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 02/11/2023, bà Trần Thị L có cầm cố tài sản với Công ty cổ phần S1 Có Ngay - Chi nhánh C theo Hợp đồng cầm cố số ACM231101001NA20X và thoả thuận mượn tài sản ký ngày 02/11/2023 01 xe mô tô hai bánh BKS: 69H1-352.13, loại xe AIR BLADE, số khung RLHKF4105LZ024209, số máy: KF41E0061044, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 032160 do Công an tỉnh C cấp ngày 12/10/2020. Số tiền cầm cố là 27.000.000 (Hai mươi bảy triệu) đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng, gốc, lãi, phí trả hàng tháng 01 lần vào ngày 02, giải ngân ngày 02/11/2023. Lãi suất cầm cố là 1.1%/tháng và các khoản phí phát sinh theo thoả thuận các bên tại hợp đồng cầm cố và phí quản lý hồ sơ cố định bằng 0.5% số tiền cầm cố/tháng theo các bên đã thoả thuận. Ngoài ra khi thanh toán quá hạn bà Trần Thị L còn phải chịu phí phạt bằng 150% lãi suất quy định và phí quản lý hồ sơ. Mục đích cầm cố sử dụng mục đích cá nhân không vi phạm pháp luật, ngày đến hạn 02/11/2024.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc ngày 02/11/2023 bà Trần Thị L có thoả thuận mượn lại tài sản nêu trên có phí mượn xe số tiền đúng hạn là 800.400 đồng, trễ hạn 1.076.400 đồng/tháng, thời gian mượn xe từ ngày 02/11/2023 đến ngày 02/12/2023. Công ty đã đồng ý cho bà L mượn lại xe và bà L cam kết trả lại tài sản đã mượn đúng hạn và địa điểm đã thoả thuận theo yêu cầu từ Công ty. Sự thoả thuận về giá cả này được thực hiện theo nguyên tắc tự do, tự nguyện giao kết của các bên phù hợp với Điều 385, 398 Bộ luật dân sự. Theo quy định thì hai bên có quyền tự do thoả thuận về giá cả và điều khoản trong hợp đồng, miễn không vi phạm pháp luật và phù hợp nhu cầu thực tế. Để đảm bảo cho Hợp đồng cầm cố tài sản nêu trên công ty đã đăng ký giao dịch bảo đảm tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục Đ số đăng ký giao dịch 1526047270.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Trần Thị L đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty. Công ty đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở, thông báo để bà Trần Thị L trả nợ nhưng bà L không thực hiện. Công ty cổ phần S1 Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị L trả cho Công ty số tiền 42.708.562 đồng, trong đó tiền gốc 23.300.767 đồng, tiền lãi 1.1% là 2.050.467 đồng, phí quản lý hồ sơ 932.031 đồng, lãi quá hạn 3.321.709 đồng, phí hao mòn mượn xe 8.611.200 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.864.061 đồng, chi phí tố tụng 2.628.326 đồng.

Tại bản tự khai ngày 01 tháng 7 năm 2026 đại diện nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị L trả cho Công ty cổ phần S1 Có Ngay tính đến ngày 06/7/2026 là 63.023.667 đồng, trong đó tiền gốc 23.300.667 đồng, tiền lãi 2.306.776 đồng, tiền lãi quá hạn 7.304.790 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 1.048.534 đồng, phí thuê mượn xe 29.062.800 đồng. Công ty cổ phần S1 Có Ngay rút lại các khoản yêu cầu khác.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị L đúng theo quy định nhưng bà L không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật: Công ty cổ phần S1 Có Ngay khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị L trả tiền cầm cố xe và lãi suất. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau. Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau. Người đại diện theo quyền của nguyên đơn là ông Hồ Ngọc Q có đơn yêu cầu vắng mặt; bị đơn bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Đối với yêu cầu bà Trần Thị L trả phí hao mòn mượn xe 8.611.200 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.864.061 đồng, chi phí tố tụng 2.628.326 đồng, nguyên đơn đã tự nguyện rút các yêu cầu này. Việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử với yêu cầu này.

[3] Xét về nội dung, tại Hợp đồng cầm cố số ACM231101001NA20X và thỏa thuận mượn tài sản ký ngày 02/11/2023 01 giữa Công ty cổ phần S1 Có Ngay với bà Trần Thị L thể hiện bà L đã cầm cố cho Công ty cổ phần S1 Có Ngay tài sản là 01 xe mô tô hai bánh BKS: 69H1-352.13, loại xe AIR BLADE, số khung RLHKF4105LZ024209, số máy: KF41E0061044, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 032160 do Công an tỉnh C cấp ngày 12/10/2020. Số tiền cầm cố là 27.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng với mức lãi suất là 1,1%/tháng. Sau khi cầm cố tài sản bà Trần Thị L với Công ty cổ phần S1 Có Ngay có ký “GIẤY MƯỢN XE” vào ngày 02 tháng 11 năm 2023, thời hạn mượn xe từ ngày 02 tháng 11 năm 2023 đến ngày 02 tháng 12 năm 2023, phí bảo dưỡng và hao mòn xe xe mỗi tháng 1.076.400 đồng. Xét thấy Hợp đồng cầm cố tài sản và văn bản thỏa thuận mượn tài sản giữa bà Trần Thị L với Công ty cổ phần S1 Có Ngay phù hợp với quy định tại các điều 309, 310, 314, 494, 495, 496, 497, 498 và 499 của Bộ luật dân sự nên các bên có nghĩa vụ thực hiện. Trong quá trình cầm cố tài sản cũng như mượn lại tài sản thì bà Trần Thị L không trả tiền lãi và trả lại tài sản đúng theo thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Đối với yêu cầu về phí quản lý hồ sơ cố định 1.048.534 đồng và phí thuê mượn xe 29.062.800 đồng, xét thấy khi Công ty thực hiện giao dịch với bà Trần Thị L thì phải quản lý hồ sơ và đó là trách nhiệm của Công ty, đối với phí thuê mượn xe tại giấy mượn xe ngày 02/11/2023 giữa Công ty với bà Trần Thị L không có thỏa thuận phí thuê mượn xe mà số tiền 1.076.400 đồng/tháng là phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn nên yêu cầu này không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1 Có Ngay đối với yêu cầu bà Trần Thị L trả số tiền gốc 23.300.667 đồng, tiền lãi 2.306.776 đồng, tiền lãi quá hạn 7.304.790 đồng, tổng số tiền là 32.912.233 đồng.

[4] Đối với chiếc 01 xe mô tô hai bánh BKS: 69H1-352.13, loại xe AIR BLADE, số khung RLHKF4105LZ024209, số máy: KF41E0061044 Công ty cổ

phần S1 Có Ngay đã giao cho bà Trần Thị L quản lý nên không buộc Công ty trả xe cho bà L. Công ty cổ phần S1 Có Ngay đang giữ của bà L giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 032160 do Công an tỉnh C cấp ngày 12/10/2020 nên Công ty cổ phần S1 Có Ngay có nghĩa vụ trả lại giấy tờ xe cho bà Trần Thị L.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 309, 310, 314, 494, 495, 496, 497, 498 và 499 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1 Có Ngay về việc yêu cầu bà Trần Thị L trả phí hao mòn mượn xe 8.611.200 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.864.061 đồng, chi phí tố tụng 2.628.326 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1 Có Ngay về việc yêu cầu bà Trần Thị L trả phí quản lý hồ sơ cố định 1.048.534 đồng và phí thuê mượn xe 29.062.800 đồng, tổng số tiền là 30.111.334 (Ba mươi triệu một trăm mười một nghìn ba trăm ba mươi bốn) đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1 Có Ngay đối với yêu cầu bà Trần Thị L trả số tiền gốc 23.300.667 đồng, tiền lãi 2.306.776 đồng, tiền lãi quá hạn 7.304.790 đồng, tổng số tiền là 32.912.233 (Ba mươi hai triệu chín trăm mười hai nghìn hai trăm ba mươi ba) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Công ty cổ phần S1 Có Ngay có nghĩa vụ giao trả cho bà Trần Thị L giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 032160 do Công an tỉnh C cấp ngày 12/10/2020.

5. Về án phí:

Công ty cổ phần S1 Có Ngay phải chịu án phí với số tiền 1.506.000 (Một triệu năm trăm lẻ sáu nghìn) đồng, làm tròn. Công ty cổ phần S1 Có Ngay đã nộp tiền tạm ứng án phí 1.068.000 (Một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0009890 ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau chuyển thu án phí. Công ty cổ phần S1 Có Ngay phải nộp tiếp số tiền 438.000 (Bốn trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

Buộc bà Trần Thị L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 1.646.000 (Một triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng, làm tròn.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 2 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lụa